

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..
--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	1	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		
2	1	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	1	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
2	1	306	Từ vựng học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	1	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	1	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	1	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
2	1	313	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	1	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	1	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
2	1	405	Quản trị tài chính	523402A	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	1	407	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	1	410	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
2	1	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523412B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	1	415	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
2	1	503	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD		
2	1	504	Pháp luật kinh tế	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	1	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	1	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	1	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	1	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	1	607	Tổng quan du lịch	7258101B02	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	1	608	Kỹ năng nói 2	7252202A04	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	1	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	1	613	Dịch viết 3	522701A2+B1	.		.	.	Ngoại ngữ		
2	1	701	Kỹ năng nghe 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	1	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	2	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..
--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	2	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	2	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
2	2	306	Từ vựng học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	2	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	2	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	2	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
2	2	313	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	2	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	2	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
2	2	405	Quản trị tài chính	523402A	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	2	407	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	2	410	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
2	2	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523412B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	2	415	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
2	2	503	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD		
2	2	504	Pháp luật kinh tế	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	2	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	2	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	2	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	2	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	2	607	Tổng quan du lịch	7258101B02	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	2	608	Kỹ năng nói 2	7252202A04	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	2	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	2	613	Dịch viết 3	522701A2+B1	.				Ngoại ngữ		
2	2	701	Kỹ năng nghe 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	2	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	3	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	3	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều My Nguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	3	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
2	3	306	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	3	307	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	3	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	3	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
2	3	313	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
2	3	317	Từ vựng học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	3	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	3	405	Quản trị tài chính	523402B+C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	3	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523412A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	3	410	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ		
2	3	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	3	415	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
2	3	503	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
2	3	504	Pháp luật kinh tế	7253404A02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	3	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	3	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	3	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	3	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	3	607	Tổng quan du lịch	7258101B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	3	611	Kỹ năng nói 2	7252202A03	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	3	613	Dịch nói 3	522701A2+B1	.				Ngoại ngữ		
2	3	701	Kỹ năng đọc 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	3	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	4	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	4	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
2	4	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	4	306	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	4	307	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	4	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	4	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
2	4	313	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
2	4	317	Từ vựng học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	4	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	4	405	Quản trị tài chính	523402B+C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	4	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523412A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	4	410	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ		
2	4	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	4	415	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD		
2	4	503	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
2	4	504	Pháp luật kinh tế	7253404A02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	4	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	4	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	4	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	4	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	4	607	Tổng quan du lịch	7258101B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	4	611	Kỹ năng nói 2	7252202A03	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	4	613	Dịch nói 3	522701A2+B1	.		.	.	Ngoại ngữ		
2	4	701	Kỹ năng đọc 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	4	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	5	415	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD		
2	5	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	6	301	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ		
2	6	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	6	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	6	305	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	6	306	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
2	6	310	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	6	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	6	315	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
2	6	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
2	6	402	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	6	405	Tổ chức sự kiện	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Phương	0943691972	Kinh tế - QTKD		
2	6	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	6	407	Nghiệp vụ ngân hàng TM2	523411A	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	6	408	Thị trường chứng khoán	523401A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	6	409	Quản trị chiến lược	523401B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	6	503	Pháp luật kinh tế	7253401A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	6	504	Kế toán thương mại, dịch vụ	522412A+B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
2	6	505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B04	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	6	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	6	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	6	511	Pháp luật đại cương	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	6	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	6	606	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	6	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	6	611	Kỹ năng nói 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	6	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
2	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	6	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
2	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	7	301	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	7	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
2	7	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	7	305	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	7	306	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
2	7	310	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	7	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	7	315	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
2	7	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
2	7	402	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	7	405	Tổ chức sự kiện	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Phương	0943691972	Kinh tế - QTKD		
2	7	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	7	407	Nghiệp vụ ngân hàng TM2	523411A	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	7	408	Thị trường chứng khoán	523401A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	7	409	Quản trị chiến lược	523401B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	7	503	Pháp luật kinh tế	7253401A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	7	504	Kế toán thương mại, dịch vụ	522412A+B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
2	7	505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B04	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	7	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	7	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	7	511	Pháp luật đại cương	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	7	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	7	606	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A02	.				Kinh tế - QTKD		
2	7	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	7	611	Kỹ năng nói 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	7	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
2	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	7	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
2	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	8	301	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		
2	8	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	8	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
2	8	305	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	8	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
2	8	310	Từ vựng học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	8	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	8	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	8	315	Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	523403	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	8	401	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
2	8	402	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	8	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
2	8	406	Kỹ năng đọc 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	8	407	Nghiệp vụ ngân hàng TM2	523411B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	8	408	Quản trị chiến lược	523401A	.	TS	Phạm Xuân Tiên	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	8	409	Thị trường chứng khoán	523401B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	8	503	Pháp luật kinh tế	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	8	504	Tài chính quốc tế	522412A+B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
2	8	505	Pháp luật đại cương	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	8	506	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	8	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	8	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B03	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	8	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	8	606	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	8	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	8	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	8	701	Kỹ năng nói 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	8	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	9	301	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		
2	9	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	9	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
2	9	305	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	9	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
2	9	310	Từ vựng học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
2	9	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	9	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	9	315	Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	523403	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	9	401	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
2	9	402	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
2	9	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
2	9	406	Kỹ năng đọc 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	9	407	Nghiệp vụ ngân hàng TM2	523411B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	9	408	Quản trị chiến lược	523401A	.	TS	Phạm Xuân Tiên	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	9	409	Thị trường chứng khoán	523401B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	9	503	Pháp luật kinh tế	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	9	504	Tài chính quốc tế	522412A+B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
2	9	505	Pháp luật đại cương	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	9	506	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A01	.				Kinh tế - QTKD		
2	9	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	9	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B03	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	9	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	9	606	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	9	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	9	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	9	701	Kỹ năng nói 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	9	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	10	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
2	10	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	1	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	1	303	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ		
3	1	304	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	1	305	Ngữ âm	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	1	306	Dịch nói 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	1	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	1	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	1	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
3	1	311	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	1	312	Kỹ năng nghe 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	1	313	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	1	317	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
3	1	404	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
3	1	405	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402A	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	1	406	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	1	407	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	1	408	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD		
3	1	409	Thuế	522401A+B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
3	1	411	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	1	413	Marketing căn bản	7253404A02	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	1	415	Quan hệ công chúng	522403	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
3	1	504	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	1	505	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402B+C	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	1	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	1	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	1	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	1	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	1	606	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A04	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	1	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B01	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	1	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	1	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	1	613	Kỹ năng nói 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	1	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
3	1	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	1	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	1	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	2	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	2	303	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ		
3	2	304	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	2	305	Ngữ âm	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	2	306	Dịch nói 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	2	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	2	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	2	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
3	2	311	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	2	312	Kỹ năng nghe 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	2	313	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	2	317	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
3	2	404	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
3	2	405	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402A	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	2	406	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	2	407	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	2	408	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD		
3	2	409	Thuế	522401A+B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
3	2	411	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	2	413	Marketing căn bản	7253404A02	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	2	415	Quan hệ công chúng	522403	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
3	2	504	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	2	505	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402B+C	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	2	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	2	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	2	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	2	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	2	606	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A04	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	2	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B01	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	2	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	2	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	2	613	Kỹ năng nói 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	2	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
3	2	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	2	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	2	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	3	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	3	303	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
3	3	304	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	3	305	Đất nước học	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
3	3	306	Dịch viết 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	3	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	3	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	3	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
3	3	311	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
3	3	313	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	3	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	3	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
3	3	405	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402A	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	3	406	Ngữ âm học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
3	3	407	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	3	408	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
3	3	409	Quan hệ công chúng	522401A+B	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
3	3	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	3	411	Marketing căn bản	7253404A01	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	3	413	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	3	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A03	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	3	505	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402B	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	3	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS7	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	3	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	3	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	3	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	3	606	Kinh tế vi mô	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	3	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B02	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	3	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	3	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	3	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	3	702	Kỹ năng nói 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	3	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	3	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	4	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	4	303	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
3	4	304	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	4	305	Đất nước học	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
3	4	306	Dịch viết 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	4	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	4	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	4	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
3	4	311	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
3	4	313	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	4	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	4	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
3	4	405	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402A	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	4	406	Ngữ âm học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	4	407	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	4	408	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
3	4	409	Quan hệ công chúng	522401A+B	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
3	4	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	4	411	Marketing căn bản	7253404A01	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	4	413	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	4	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A03	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	4	505	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402B	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	4	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS7	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	4	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	4	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	4	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	4	606	Kinh tế vi mô	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	4	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B02	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	4	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	4	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	4	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	4	702	Kỹ năng nói 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	4	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	4	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	5	408	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
3	5	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	5	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	5	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	5	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	6	301	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ		
3	6	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	6	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	6	305	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	6	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	6	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	6	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
3	6	310	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	6	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	6	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	6	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	6	405	Kỹ năng quản lý tích cực	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	6	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	6	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	6	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	6	411	Phân tích tài chính DN	523411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	6	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	6	415	Kỹ năng nghe 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	6	503	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A01	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	6	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	6	505	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	6	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	6	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	6	511	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	6	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	6	606	Kế toán xây lắp	522412A+B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
3	6	607	Tổng quan du lịch	7258101B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	6	608	Phát âm 2	7252201A04	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	6	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A03	.	ThS	Đỗ Thị Phương	0982290883	Ngoại ngữ		
3	6	613	Kỹ năng nói 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	6	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
3	6	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	7	301	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ		
3	7	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	7	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	7	305	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
3	7	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	7	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	7	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
3	7	310	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	7	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	7	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	7	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	7	405	Kỹ năng quản lý tích cực	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	7	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	7	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	7	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	7	411	Phân tích tài chính DN	523411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	7	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	7	415	Kỹ năng nghe 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	7	503	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A01	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	7	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	7	505	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	7	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	7	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	7	511	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	7	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	7	606	Kế toán xây lắp	522412A+B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
3	7	607	Tổng quan du lịch	7258101B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	7	608	Phát âm 2	7252201A04	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	7	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A03	.	ThS	Đỗ Thị Phụng	0982290883	Ngoại ngữ		
3	7	613	Kỹ năng nói 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	7	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
3	7	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	8	301	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		
3	8	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	8	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	8	305	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	8	307	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	8	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	8	310	Ngữ âm học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	8	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	8	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	8	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	8	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
3	8	406	Kỹ năng nghe 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	8	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	8	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	8	411	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	8	413	Phân tích tài chính DN	523411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	8	415	Kỹ năng nói 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	8	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	8	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A02	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	8	505	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	8	506	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	8	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	8	511	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	8	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	8	606	kế toán xuất nhập khẩu	522412A+B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
3	8	607	Tổng quan du lịch	7258101B04	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	8	608	Kỹ năng đọc 2	7252201A04	.	ThS	Đỗ Thị Phượng	'0982290883	Ngoại ngữ		
3	8	611	Kỹ năng viết 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quê Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
3	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
3	8	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	8	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	8	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	9	301	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	9	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	9	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	9	305	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
3	9	307	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	9	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	9	310	Ngữ âm học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	9	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	9	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	9	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A02	.				Kinh tế - QTKD		
3	9	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
3	9	406	Kỹ năng nghe 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	9	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	9	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	9	411	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	9	413	Phân tích tài chính DN	523411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	9	415	Kỹ năng nói 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	9	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	9	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A02	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	9	505	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	9	506	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	9	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	9	511	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	9	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	9	606	kế toán xuất nhập khẩu	522412A+B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
3	9	607	Tổng quan du lịch	7258101B04	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	9	608	Kỹ năng đọc 2	7252201A04	.	ThS	Đỗ Thị Phượng	'0982290883	Ngoại ngữ		
3	9	611	Kỹ năng viết 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
3	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
3	9	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	9	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	9	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	10	405	Du lịch bền vững	522402A+B	.	ThS	Cao Hoàng Hà	'0904833289	Kinh tế - QTKD		
3	10	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	10	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..
--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	303	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
4	1	304	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
4	1	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
4	1	306	Dịch viết 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
4	1	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
4	1	311	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
4	1	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
4	1	313	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
4	1	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A04	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	1	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	1	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	1	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	410	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	415	Phát âm 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	1	503	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
4	1	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	505	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	1	506	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
4	1	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	1	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS3	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	1	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	1	606	Văn hóa DN ngân hàng	522411A+B	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
4	1	607	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
4	1	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A06	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	1	701	Kỹ năng nói 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	1	702	Kỹ năng đọc 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	1	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
4	2	303	Dịch nói 3	522701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
4	2	304	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
4	2	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
4	2	306	Dịch viết 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
4	2	310	Dịch viết 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
4	2	311	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
4	2	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
4	2	313	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
4	2	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A04	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	2	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	2	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	2	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	410	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	415	Phát âm 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	2	503	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
4	2	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	505	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	2	506	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
4	2	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	2	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	2	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS3	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	2	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	2	606	Văn hóa DN ngân hàng	522411A+B	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
4	2	607	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
4	2	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A06	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
4	2	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	2	701	Kỹ năng nói 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	2	702	Kỹ năng đọc 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	2	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
4	3	303	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ		
4	3	304	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
4	3	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
4	3	306	Dịch nói 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
4	3	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
4	3	311	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
4	3	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	3	313	Kỹ năng nói 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	3	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	3	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	3	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	3	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	410	Thương mại điện tử	522403	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	415	Kỹ năng nói 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	3	503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS4	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	3	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
4	3	505	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ	.	.
4	3	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
4	3	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ	.	.
4	3	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	606	Văn hóa DN ngân hàng	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	607	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ	.	.
4	3	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A05	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ	.	.
4	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ	.	.
4	3	701	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A02	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ	.	.
4	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ	.	.
4	3	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ	.	.
4	4	303	Dịch viết 3	522701A1	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên + Hoà	0979050678 + 09124	Ngoại ngữ	.	.
4	4	304	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ	.	.
4	4	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ	.	.
4	4	306	Dịch nói 3	522701A2+B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ	.	.
4	4	310	Dịch nói 3	522705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ	.	.
4	4	311	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ	.	.
4	4	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ	.	.
4	4	313	Kỹ năng nói 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ	.	.
4	4	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ	.	.
4	4	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ	.	.
4	4	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
4	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:



Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI
4	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI
4	4	415	Kỹ năng nói 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ	.	.
4	4	503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS4	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ	.	.
4	4	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI
4	4	505	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ	.	.
4	4	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI
4	4	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ	.	.
4	4	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	606	Văn hóa DN ngân hàng	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	607	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD	.	.
4	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ	.	.
4	4	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A05	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ	.	.
4	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ	.	.
4	4	701	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A02	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ	.	.
4	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ	.	.
4	4	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ	.	.
4	5	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ	.	.
4	6	301	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ	.	.
4	6	302	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ	.	.
4	6	303	Đất nước học	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ	.	.
4	6	305	Ngữ âm	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ	.	.
4	6	306	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ	.	.
4	6	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ	.	.
4	6	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ	.	.
4	6	313	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ	.	.
4	6	315	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD	.	.

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	6	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	6	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	6	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	6	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	6	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	506	Pháp luật kinh tế	7253405A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	6	507	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC3	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	6	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	6	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	6	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	6	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	6	608	Kỹ năng đọc 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	6	611	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	6	701	Luyện thi HSK	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	7	301	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	7	302	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	7	303	Đất nước học	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	7	305	Ngữ âm	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	7	306	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
4	7	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
4	7	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	7	313	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
4	7	315	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	7	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	7	407	Thâm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	7	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	7	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	7	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	506	Pháp luật kinh tế	7253405A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	7	507	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC3	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	7	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	7	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	7	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	7	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD			
4	7	608	Kỹ năng đọc 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	7	611	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	7	701	Luyện thi HSK	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	8	301	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	8	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	8	303	Ngữ âm	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	8	305	Đất nước học	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	8	306	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
4	8	307	Luyện thi HSK	523704B1+B3	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	8	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
4	8	313	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
4	8	315	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	8	406	Kỹ năng đọc 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	8	407	Thâm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	8	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	8	409	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	8	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	8	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	506	Pháp luật kinh tế	7253405A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	8	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	8	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	8	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	8	606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	8	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	8	611	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	8	701	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
4	9	301	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
4	9	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	9	303	Ngữ âm	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	9	305	Đất nước học	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	9	306	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
4	9	307	Luyện thi HSK	523704B1+B3	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	9	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
4	9	313	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
4	9	315	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	9	406	Kỹ năng đọc 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	9	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	9	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	9	409	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	9	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	9	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	506	Pháp luật kinh tế	7253405A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	9	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	9	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	9	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	9	606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	9	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	9	611	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	9	701	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
4	10	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	10	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..
--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	1	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	1	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
5	1	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	1	306	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	1	307	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	1	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	1	310	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
5	1	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	1	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
5	1	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
5	1	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	1	410	Quan hệ công chúng	522403	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
5	1	413	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412B	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	1	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A05	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	"0989589068	Ngoại ngữ		
5	1	503	Pháp luật đại cương	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	1	504	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	1	505	Kỹ năng đọc 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	1	506	Thuế	522401A+B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	1	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	1	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	1	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	1	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	1	702	Kỹ năng nghe 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	1	HTL	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	53401A03+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	1	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	1	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	2	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	2	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
5	2	305	Dịch viết 3	522704A1+A6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	2	306	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	2	307	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	2	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	2	310	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
5	2	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	2	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
5	2	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
5	2	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	2	410	Quan hệ công chúng	522403	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
5	2	413	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412B	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	2	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A05	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	"0989589068	Ngoại ngữ		
5	2	503	Pháp luật đại cương	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	2	504	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	2	505	Kỹ năng đọc 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	2	506	Thuế	522401A+B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	2	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	2	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	2	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	2	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	2	702	Kỹ năng nghe 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	2	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	523401A03+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	2	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	3	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
5	3	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	3	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	3	306	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	3	307	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
5	3	308	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	3	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
5	3	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	3	313	Kỹ năng đọc 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	3	315	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	3	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	3	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	3	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	3	503	Pháp luật đại cương	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	3	504	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412A	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	3	505	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	3	506	Quan hệ công chúng	522401A+B	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
5	3	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	3	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	3	606	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
5	3	607	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	3	611	Kỹ năng nghe 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A06	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	3	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	3	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	523404A01+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	3	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	4	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
5	4	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	4	305	Dịch viết 3	522704A2+A3	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	4	306	Dịch nói 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	4	307	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
5	4	308	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	4	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
5	4	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	4	313	Kỹ năng đọc 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	4	315	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	4	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	4	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	4	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	4	503	Pháp luật đại cương	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	4	504	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412A	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	4	505	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	4	506	Quan hệ công chúng	522401A+B	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
5	4	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	4	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	4	606	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
5	4	607	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	4	611	Kỹ năng nghe 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A06	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	4	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	4	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	523404A01+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	4	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	5	606	Kỹ năng tác nghiệp ngân hàng	522411A+B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
5	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	5	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	6	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	6	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	6	303	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	6	306	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	6	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
5	6	310	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
5	6	313	Kỹ năng nói 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	6	315	Pháp luật kinh tế	7253403A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	6	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	6	402	Kỹ năng nghe 2	7252202A15	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	989589068	Ngoại ngữ		
5	6	405	Tổ chức sự kiện	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Phương	0943691972	Kinh tế - QTKD		
5	6	406	Lễ hội truyền thống	522402B	.	TS	Ngô Thị Hồng Giang	'0983183580	Kinh tế - QTKD		
5	6	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	6	409	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
5	6	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	6	415	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	6	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	6	504	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253401A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	6	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
5	6	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	6	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	6	606	kế toán xuất nhập khẩu	522412A+B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
5	6	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7258101B04	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	6	611	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quê Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	6	613	Kỹ năng nói 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	6	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	6	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	7	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
5	7	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	7	303	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	7	306	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	7	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
5	7	310	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
5	7	313	Kỹ năng nói 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	7	315	Pháp luật kinh tế	7253403A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	7	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	7	402	Kỹ năng nghe 2	7252202A15	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	989589068	Ngoại ngữ		
5	7	405	Tổ chức sự kiện	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Phương	0943691972	Kinh tế - QTKD		
5	7	406	Lễ hội truyền thống	522402B	.	TS	Ngô Thị Hồng Giang	0983183580	Kinh tế - QTKD		
5	7	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	7	409	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
5	7	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	7	415	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	7	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	7	504	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253401A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	7	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
5	7	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	7	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	7	606	kế toán xuất nhập khẩu	522412A+B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
5	7	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7258101B04	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	7	611	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quê Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	7	613	Kỹ năng nói 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	7	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	7	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	8	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
5	8	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	8	303	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
5	8	306	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	8	308	Kỹ năng nghe 2	7252202A21	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	8	310	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	8	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	8	315	Pháp luật kinh tế	7253403A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	8	317	Kỹ năng nói 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	8	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
5	8	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
5	8	406	Lễ hội truyền thống	522402B	.	TS	Ngô Thị Hồng Giang	0983183580	Kinh tế - QTKD		
5	8	408	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	8	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	8	415	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	8	503	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253401A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	8	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	8	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	8	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	8	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	8	606	Kế toán xây lắp	522412A+B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	8	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B03	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	8	611	Kỹ năng viết 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	8	701	Kỹ năng nói 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	8	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	8	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	9	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
5	9	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	9	303	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
5	9	306	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
5	9	308	Kỹ năng nghe 2	7252202A21	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	9	310	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	9	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	9	315	Pháp luật kinh tế	7253403A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	9	317	Kỹ năng nói 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	9	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
5	9	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
5	9	406	Lễ hội truyền thống	522402B	.	TS	Ngô Thị Hồng Giang	0983183580	Kinh tế - QTKD		
5	9	408	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	9	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	9	415	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	9	503	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253401A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	9	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	9	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	9	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	9	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	9	606	Kế toán xây lắp	522412A+B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	9	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7258101B03	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	9	611	Kỹ năng viết 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	9	701	Kỹ năng nói 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	9	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	9	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	10	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	10	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	1	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
6	1	305	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	1	306	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
6	1	307	Luyện thi HSK	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	1	308	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
6	1	312	Kỹ năng nói 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	1	313	Kỹ năng nói 2	7252202A01	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	1	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	1	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	1	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
6	1	402	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	1	404	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	1	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	1	406	Kỹ năng nói 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
6	1	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	1	408	Kiểm toán tài chính 1	523412A	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	410	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD		
6	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	413	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	1	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	1	503	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	1	504	Pháp luật kinh tế	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	1	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	1	506	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
6	1	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	1	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD	.	.
6	1	606	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD	.	.
6	1	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	1	611	Kỹ năng nói 2	7252202A20	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ	.	.
6	1	613	Kỹ năng viết 2	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ	.	.
6	1	701	Kỹ năng đọc 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ	.	.
6	1	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD	.	.
6	1	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ	.	.
6	2	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ	.	.
6	2	305	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ	.	.
6	2	306	Dịch viết 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ	.	.
6	2	307	Luyện thi HSK	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ	.	.
6	2	308	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ	.	.
6	2	312	Kỹ năng nói 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ	.	.
6	2	313	Kỹ năng nói 2	7252202A01	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ	.	.
6	2	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ	.	.
6	2	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ	.	.
6	2	401	Dịch nói 3	522704A2+A3	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ	.	.
6	2	402	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ	.	.
6	2	404	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ	.	.
6	2	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	406	Kỹ năng nói 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ	.	.
6	2	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	408	Kiểm toán tài chính 1	523412A	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	410	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD	.	.

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	413	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ	.	.
6	2	503	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	504	Pháp luật kinh tế	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	506	Văn hóa doanh nghiệp	522401A+B	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	606	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	2	611	Kỹ năng nói 2	7252202A20	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ	.	.
6	2	613	Kỹ năng viết 2	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ	.	.
6	2	701	Kỹ năng đọc 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ	.	.
6	2	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD	.	.
6	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD	.	.
6	3	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ	.	.
6	3	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ	.	.
6	3	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ	.	.
6	3	306	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ	.	.
6	3	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ	.	.
6	3	310	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ	.	.
6	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ	.	.
6	3	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ	.	.
6	3	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ	.	.
6	3	317	Kỹ năng nói 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ	.	.
6	3	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ	.	.

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	3	402	Ngữ âm học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
6	3	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
6	3	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	3	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
6	3	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	3	408	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	410	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD		
6	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	413	Kiểm toán tài chính 1	523412B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	3	415	Kỹ năng nói 2	7252202A02	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	3	503	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	3	504	Pháp luật kinh tế	7253401A04	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	3	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A02	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	3	506	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD		
6	3	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	3	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	3	606	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD		
6	3	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
6	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	3	701	Kỹ năng viết 2	7252201A02	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	3	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
6	4	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
6	4	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	4	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	4	306	Dịch nói 3	522704A4+5	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
6	4	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	4	310	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	4	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	4	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	4	317	Kỹ năng nói 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	4	401	Dịch nói 3	522704A1+A6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
6	4	402	Ngữ âm học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	4	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
6	4	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	4	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
6	4	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	4	408	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	410	Thị trường lao động	522403	.	TS	Nguyễn Trung Tiệp	0903268434	Kinh tế - QTKD		
6	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	413	Kiểm toán tài chính 1	523412B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	4	415	Kỹ năng nói 2	7252202A02	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	4	503	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	4	504	Pháp luật kinh tế	7253401A04	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	4	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A02	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	4	506	Hoạch định nguồn nhân lực DN	522401A+B	.	ThS	Đào Thảo Uyên	0912288211	Kinh tế - QTKD		
6	4	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	4	511	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	4	606	Tài chính phát triển	522411A+B	.	TS	Nguyễn Mạnh Hùng	0945656848	Kinh tế - QTKD		
6	4	607	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
6	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	4	701	Kỹ năng viết 2	7252201A02	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	4	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
6	6	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
6	6	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	6	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	6	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	6	305	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
6	6	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	6	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	6	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
6	6	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	6	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	6	402	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
6	6	405	Kỹ năng quản lý tích cực	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
6	6	406	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
6	6	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	6	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	6	415	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	6	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	6	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	6	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	6	506	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	6	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	6	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	6	511	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	6	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	6	606	Tài chính quốc tế	522412A+B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
6	6	607	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	6	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	6	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	6	613	Phát âm 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	6	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	7	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
6	7	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	7	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	7	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	7	305	Dịch viết 3	522704B1+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
6	7	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	7	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	7	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
6	7	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	7	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	7	402	Dịch nói 3	522704B4+B7	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
6	7	405	Kỹ năng quản lý tích cực	522402A	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
6	7	406	Dịch nói 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
6	7	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	7	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	7	415	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	7	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	7	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	7	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	506	Dịch viết 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + "0912	Ngoại ngữ	.	.
6	7	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD
6	7	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	511	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	606	Tài chính quốc tế	522412A+B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	607	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ	.	.
6	7	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ	.	.
6	7	613	Phát âm 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ	.	.
6	7	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD	.	.
6	8	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ	.	.
6	8	302	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ	.	.
6	8	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ	.	.
6	8	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ	.	.
6	8	305	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ	.	.
6	8	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ	.	.
6	8	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ	.	.
6	8	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ	.	.
6	8	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ	.	.
6	8	315	Kỹ năng đọc 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ	.	.
6	8	402	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ	.	.
6	8	406	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ	.	.
6	8	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD	.	.
6	8	408	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD	.	.
6	8	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD	.	.
6	8	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD	.	.

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	8	506	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		
6	8	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	8	511	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	8	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	8	606	Kế toán thương mại, dịch vụ	522412A+B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
6	8	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	8	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	8	613	Kỹ năng viết 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
6	8	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	9	301	Dịch viết 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
6	9	302	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	9	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	9	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	9	305	Dịch viết 3	522704B4+B7	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
6	9	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
6	9	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	9	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	9	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	9	315	Kỹ năng đọc 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	9	402	Dịch nói 3	522704B1+B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà	0827971983	Ngoại ngữ		
6	9	406	Dịch viết 3	22704B2+B3+	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
6	9	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	9	408	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	9	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	9	506	Dịch nói 3	522701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Trần Th	0375302103 + '09048	Ngoại ngữ		
6	9	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	9	511	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	9	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	9	606	Kế toán thương mại, dịch vụ	522412A+B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
6	9	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	9	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	9	613	Kỹ năng viết 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	9	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	10	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	1	301	Kỹ năng nói 2	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	1	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	1	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
7	1	305	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	1	306	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
7	1	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	1	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	1	312	Kỹ năng nói 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	1	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A17	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	1	315	Luyện thi HSK	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	1	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	1	401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	1	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	1	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	1	411	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	1	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	1	415	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A05	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	1	504	Tâm lý học đại cương	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	1	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS2	.	TS	Đỗ Thị Hiền	0984085347	Ngoại ngữ		
7	1	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	1	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	1	606	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	1	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B02	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	1	608	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
7	1	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	1	613	Phát âm 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	1	701	Kỹ năng nghe 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	2	301	Kỹ năng nói 2	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	2	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	2	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
7	2	305	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	2	306	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
7	2	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	2	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	2	312	Kỹ năng nói 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	2	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A17	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	2	315	Luyện thi HSK	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	2	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	2	401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	2	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	2	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	2	411	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	2	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	2	415	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A05	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	2	504	Tâm lý học đại cương	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	2	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS2	.	TS	Đỗ Thị Hiên	0984085347	Ngoại ngữ		
7	2	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	2	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	2	606	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	2	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B02	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	2	608	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
7	2	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	2	613	Phát âm 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	2	701	Kỹ năng nghe 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	3	301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	3	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	3	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	3	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	3	306	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
7	3	307	Luyện thi HSK	523704A5+A7	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	3	308	Kỹ năng đọc 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
7	3	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	3	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	3	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	3	401	Kỹ năng nói 2	7252202A05	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
7	3	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
7	3	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	3	410	Kỹ năng nghe 2	7252202A18	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	3	411	Luyện thi HSK	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	3	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	3	415	Kỹ năng viết 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	3	504	Tâm lý học đại cương	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	3	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	3	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	3	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	3	606	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B01	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	3	607	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	3	608	Kỹ năng viết 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	3	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	3	701	Phát âm 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	4	301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	4	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	4	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	4	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	4	306	Dịch viết 3	522705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Bình	0988773556	Ngoại ngữ		
7	4	307	Luyện thi HSK	523704A5+A7	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	4	308	Kỹ năng đọc 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
7	4	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	4	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	4	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	4	401	Kỹ năng nói 2	7252202A05	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
7	4	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
7	4	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	4	410	Kỹ năng nghe 2	7252202A18	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	4	411	Luyện thi HSK	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	4	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	4	415	Kỹ năng viết 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	4	504	Tâm lý học đại cương	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	4	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	4	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	4	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	4	606	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B01	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	4	607	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	4	608	Kỹ năng viết 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	4	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	4	701	Phát âm 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	5	405	QL khu vui chơi giải trí	522402A	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
7	5	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	5	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	6	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
7	6	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
7	6	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	6	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	6	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	6	308	Luyện thi HSK	523704B4+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	6	313	Kỹ năng nghe 2	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	6	401	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	6	402	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	6	403	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
7	6	407	Kỹ năng đọc 2	7252202A13	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	6	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	6	409	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401B	.	ThS	Ngô Thị Luyện	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	6	410	Kiến trúc mỹ thuật Việt nam	522402B	.	TS	Nguyễn Tất Thắng	0903408306	Kinh tế - QTKD		
7	6	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A09	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	6	503	Tâm lý học đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	6	504	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	6	505	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	0904091989	Kinh tế - QTKD		
7	6	506	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A01	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	6	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	6	511	Tài chính công	22411A+B+40	.	TS	Lê Thị Minh Phương	0917970869	Kinh tế - QTKD		
7	6	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	6	606	Kỹ năng TT & ĐP	522412A+B	.	ThS	Mai Chánh Cường	0934211979	Kinh tế - QTKD		
7	6	607	Tâm lý học đại cương	7253405A02	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	6	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thi	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	6	611	Kỹ năng nói 2	7252202A12	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	6	613	Kỹ năng nói 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quê Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
7	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	7	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
7	7	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
7	7	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	7	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	7	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	7	308	Luyện thi HSK	523704B4+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	7	313	Kỹ năng nghe 2	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	7	401	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	7	402	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	7	403	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
7	7	407	Kỹ năng đọc 2	7252202A13	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	7	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	7	409	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401B	.	ThS	Ngô Thị Luyện	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	7	410	Kiến trúc mỹ thuật Việt nam	522402B	.	TS	Nguyễn Tất Thắng	0903408306	Kinh tế - QTKD		
7	7	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A09	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	7	503	Tâm lý học đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	7	504	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	7	505	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	0904091989	Kinh tế - QTKD		
7	7	506	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A01	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	7	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	7	511	Tài chính công	22411A+B+40	.	TS	Lê Thị Minh Phượng	0917970869	Kinh tế - QTKD		
7	7	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	7	606	Kỹ năng TT & ĐP	522412A+B	.	ThS	Mai Chánh Cường	0934211979	Kinh tế - QTKD		
7	7	607	Tâm lý học đại cương	7253405A02	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	7	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	7	611	Kỹ năng nói 2	7252202A12	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	7	613	Kỹ năng nói 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quê Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
7	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	8	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	8	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	8	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
7	8	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	8	307	Kỹ năng đọc 2	7252202A10	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	8	313	Kỹ năng nói 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
7	8	315	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	8	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	8	402	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	8	403	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	8	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	8	408	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	8	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	8	410	Kiến trúc mỹ thuật Việt nam	522402B	.	TS	Nguyễn Tất Thắng	0903408306	Kinh tế - QTKD		
7	8	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	8	503	Tâm lý học đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	8	505	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	'0904091989	Kinh tế - QTKD		
7	8	506	Tâm lý học đại cương	7253405A01	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	8	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	8	511	Tài chính công	22411A+B+40	.	TS	Lê Thị Minh Phương	0917970869	Kinh tế - QTKD		
7	8	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	8	606	Kỹ năng TT & ĐP	522412A+B	.	ThS	Mai Chánh Cường	0934211979	Kinh tế - QTKD		
7	8	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253405A02	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	8	608	Kỹ năng nói 2	7252202A11	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	8	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	8	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	8	701	Kỹ năng đọc 2	7252202A14	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	9	301	Dịch nói 3	522705B1+2	.	ThS	Nguyễn Thị Lệ Hằng	0978637691	Ngoại ngữ		
7	9	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	9	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ:

02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	9	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	9	307	Kỹ năng đọc 2	7252202A10	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	9	313	Kỹ năng nói 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
7	9	315	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	9	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	9	402	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	9	403	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	9	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	9	408	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401A	.	ThS	Ngô Thị Luyện	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	9	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	9	410	Kiến trúc mỹ thuật Việt nam	522402B	.	TS	Nguyễn Tất Thắng	0903408306	Kinh tế - QTKD		
7	9	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	9	503	Tâm lý học đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	9	506	Tâm lý học đại cương	7253405A01	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	9	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	9	511	Tài chính công	22411A+B+40	.	TS	Lê Thị Minh Phượng	0917970869	Kinh tế - QTKD		
7	9	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	9	606	Kỹ năng TT & ĐP	522412A+B	.	ThS	Mai Chánh Cường	0934211979	Kinh tế - QTKD		
7	9	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253405A02	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	9	608	Kỹ năng nói 2	7252202A11	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	9	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	9	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	9	701	Kỹ năng đọc 2	7252202A14	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	10	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 31 Thực hiện từ: 02/03/2026 Đến

08/03/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
-----	------	----	-----	-----	------	------	------------	------------	------	-------	--------